

THÔNG TƯ
Quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;

Căn cứ Luật Cạnh tranh năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quy định về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam sau:

- Ngân hàng thương mại;
- Công ty tài chính;
- Công ty cho thuê tài chính;
- Tổ chức tín dụng hợp tác.

2. Việc sáp nhập, hợp nhất giữa các tổ chức tín dụng hợp tác được thực hiện theo Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân

hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/06/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng quy định tại Điều 1 Thông tư này.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.

Điều 3. Thấm quyền chấp thuận việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thống đốc) chấp thuận việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sáp nhập tổ chức tín dụng* là hình thức một hoặc một số tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bị sáp nhập) sáp nhập vào một tổ chức tín dụng khác (sau đây gọi là tổ chức tín dụng nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của tổ chức tín dụng bị sáp nhập.
2. *Hợp nhất tổ chức tín dụng* là hình thức hai hoặc một số tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bị hợp nhất) hợp nhất thành một tổ chức tín dụng mới (sau đây gọi là tổ chức tín dụng hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang tổ chức tín dụng hợp nhất, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất.
3. *Mua lại tổ chức tín dụng* là hình thức một tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng mua lại) mua toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng khác (tổ chức tín dụng bị mua lại). Sau khi mua lại, tổ chức tín dụng bị mua lại trở thành công ty trực thuộc của tổ chức tín dụng mua lại.
4. *Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập*: gồm tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và tổ chức tín dụng bị sáp nhập.
5. *Tổ chức tín dụng tham gia hợp nhất*: gồm tổ chức tín dụng hợp nhất và tổ chức tín dụng bị hợp nhất.
6. *Tổ chức tín dụng tham gia mua lại*: gồm tổ chức tín dụng mua lại và tổ chức tín dụng bị mua lại.
7. *Tổ chức tín dụng đại diện*: là tổ chức tín dụng bị hợp nhất được các tổ chức tín dụng bị hợp nhất còn lại ủy quyền làm đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến việc hợp nhất các tổ chức tín dụng.
8. *Cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng*: là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và pháp luật hiện hành.
9. *Tổ chức tín dụng mẹ*: là tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ của tổ chức tín

dụng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

10. *Chủ sở hữu*: là các cổ đông (đối với tổ chức tín dụng cổ phần), Nhà nước (đối với tổ chức tín dụng nhà nước), các bên tham gia góp vốn liên doanh (đối với tổ chức tín dụng liên doanh), tổ chức tín dụng mẹ và các thành viên góp vốn (đối với tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài), các thành viên góp vốn (đối với tổ chức tín dụng hợp tác).

Điều 5. Nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng

1. Nguyên tắc thỏa thuận:

Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại thỏa thuận giải quyết các quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nguyên tắc bảo vệ khách hàng:

Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, đặc biệt quyền lợi của người gửi tiền tại từng tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại.

3. Nguyên tắc bảo mật thông tin:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại phải có trách nhiệm bảo mật thông tin để các tổ chức tín dụng này được hoạt động ổn định trước khi Đề án sáp nhập, hợp nhất, mua lại được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua.

4. Nguyên tắc cung cấp thông tin:

a) Trong quá trình tiến hành các thủ tục liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng, Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, thống nhất, trung thực, chính xác và không phân biệt cho các chủ sở hữu của tất cả các bên tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại và các tổ chức khác có thẩm quyền các thông tin về quá trình sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng, trong đó có tình hình tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng;

b) Các hồ sơ, tài liệu và quảng cáo của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại phải đảm bảo nguyên tắc thận trọng, chính xác, không gây hiểu nhầm.

5. Nguyên tắc ra quyết định sáp nhập, hợp nhất, mua lại:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại thông qua quyết định về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo điều kiện, thể thức hợp và biểu quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đối với những vấn đề liên quan đến tổ chức hợp nhất, điều kiện, thể thức hợp và biểu quyết thông qua các quyết định do các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thỏa thuận, nêu cụ thể tại Đề án hợp nhất và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Các hình thức sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng

1. Các hình thức sáp nhập

- a) Ngân hàng, công ty tài chính, tổ chức tín dụng hợp tác sáp nhập vào một ngân hàng.
- b) Công ty tài chính sáp nhập vào một công ty tài chính.
- c) Công ty cho thuê tài chính sáp nhập vào một công ty cho thuê tài chính.

2. Các hình thức hợp nhất

- a) Ngân hàng được hợp nhất với ngân hàng, công ty tài chính, tổ chức tín dụng hợp tác để thành một ngân hàng.
- b) Các công ty tài chính hợp nhất thành một công ty tài chính.
- c) Các công ty cho thuê tài chính hợp nhất thành một công ty cho thuê tài chính.

3. Các hình thức mua lại

- a) Một ngân hàng được mua lại công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.
- b) Một công ty tài chính được mua lại công ty cho thuê tài chính.

Điều 7. Tư vấn sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng

Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại có thể sử dụng dịch vụ tư vấn. Chuyên gia tư vấn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- 1. Là tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- 2. Không đồng thời tư vấn cho tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại;
- 3. Được Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại xác nhận không có quan hệ tài chính có thể dẫn đến xung đột về lợi ích với các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại.

Điều 8. Bỏ cáo sáp nhập, hợp nhất, mua lại

- 1. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo quy định tại Thông tư này phải đăng bỏ cáo ít nhất trên 03 số báo liên tiếp. Báo đăng bỏ cáo phải là báo giấy, có số phát hành hàng ngày và phát hành trên toàn quốc.

Trong thời gian đăng báo, bỏ cáo phải đồng thời được niêm yết tại trụ sở chính và tại tất cả các chi nhánh, sở giao dịch của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại; và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hiệp hội Ngân hàng.

- 2. Bỏ cáo phải đảm bảo các thông tin tối thiểu theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này.

3. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại được quyền đăng chung bố cáo trên báo.
4. Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất, mua lại phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Thống đốc chấp thuận nguyên tắc việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.

Chương II

SÁP NHẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 9. Điều kiện để được sáp nhập

1. Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định tại Luật Cạnh tranh;
2. Có Đề án sáp nhập bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư này. Đề án sáp nhập có nội dung không được trái với Hợp đồng sáp nhập;
3. Tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi sáp nhập đảm bảo mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Trình tự, thủ tục sáp nhập

1. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phối hợp xây dựng Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập và Điều lệ tổ chức tín dụng nhận sáp nhập (trường hợp sau khi sáp nhập, Điều lệ của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập cần phải sửa đổi, bổ sung). Nội dung Điều lệ tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi sáp nhập, Đề án sáp nhập, và Hợp đồng sáp nhập phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua. Đề án sáp nhập phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm đối với nội dung Đề án sáp nhập.
2. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc đề nghị được hưởng miễn trừ đối với trường hợp sáp nhập bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.
3. Chấp thuận nguyên tắc sáp nhập:
 - a) Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phối hợp lập 05 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này để tổ chức tín dụng nhận sáp nhập gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, quyết định;
 - b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát, ngân hàng có văn bản kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng, gửi lấy ý kiến tham gia của:
 - (i) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đặt trụ sở chính: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đặt trụ sở chính căn cứ công tác quản lý, theo dõi tại địa bàn và hồ sơ đề nghị sáp nhập của tổ chức tín dụng để báo cáo, đánh giá về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập và quan điểm về việc sáp nhập;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đặt trụ sở chính: về ảnh hưởng của việc sáp nhập tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc sáp nhập;

(iii) Các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến một hoặc một số nội dung trong hồ sơ đề nghị sáp nhập và quan điểm về việc sáp nhập (nếu xét thấy cần thiết).

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị trên đây phải có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung đã được đề nghị, gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị nêu tại Điểm b Khoản 3 Điều này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc từ chối chấp thuận nguyên tắc việc sáp nhập tổ chức tín dụng. Trường hợp từ chối chấp thuận nguyên tắc, phải nêu rõ lý do.

4. Chấp thuận sáp nhập:

a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Thống đốc ký văn bản chấp thuận nguyên tắc việc sáp nhập tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phải:

(i) Lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng để thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề có liên quan khác (nếu có);

(ii) Phối hợp lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này để tổ chức tín dụng nhận sáp nhập gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét chấp thuận.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận việc sáp nhập tổ chức tín dụng. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấp thuận sáp nhập có hiệu lực, tổ chức tín dụng bị sáp nhập phải hoàn tất các thủ tục rút Giấy phép thành lập và hoạt động, đăng bố cáo theo quy định của pháp luật có liên quan; tổ chức tín dụng nhận sáp nhập phải hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh và đăng bố cáo sáp nhập theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị sáp nhập

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng nhận sáp nhập đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này;

b) Đề án sáp nhập đảm bảo các nội dung tối thiểu theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng

tham gia sáp nhập thống nhất sử dụng để tiến hành xây dựng Đề án sáp nhập;

d) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động; bản sao các văn bản chấp thuận bổ sung nội dung hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập có chứng thực theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư này. Quyết định của tổ chức tín dụng bị sáp nhập ủy quyền cho tổ chức tín dụng nhận sáp nhập trình Thống đốc xem xét chấp thuận việc sáp nhập theo quy định tại Thông tư này;

e) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc Quyết định cho hưởng miễn trừ của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập được hưởng miễn trừ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư này. Trường hợp không cần các văn bản này, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập phải có văn bản giải trình lý do và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo về việc tổ chức tín dụng không vi phạm quy định của Luật Cạnh tranh về tập trung kinh tế.

g) Hợp đồng sáp nhập có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

h) Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập (trong trường hợp sau khi sáp nhập, Điều lệ của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập cần phải sửa đổi, bổ sung).

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập, gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng nhận sáp nhập đề nghị chấp thuận sáp nhập theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này;

b) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổ chức tín dụng bị sáp nhập đề nghị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đối với những nội dung quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

d) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, trong đó nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có), có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng bị sáp nhập;

đ) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và hồ sơ đề nghị chuẩn y các nội dung phải được Thống đốc chuẩn y theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp cần thiết, Thống đốc có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập bổ sung văn bản giải trình các nội dung liên quan Hồ sơ đề nghị sáp nhập;

Điều 12. Đề án sáp nhập

Đề án sáp nhập phải có tối thiểu các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập;
2. Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập;
3. Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đến thời điểm nêu tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này;
4. Lý do của việc sáp nhập;
5. Vốn điều lệ trước khi sáp nhập của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập và vốn điều lệ của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi sáp nhập;
6. Danh sách cổ đông nắm giữ cổ phần trọng yếu (đối với tổ chức tín dụng cổ phần) hoặc chủ sở hữu (đối với các tổ chức tín dụng khác) của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi sáp nhập;
7. Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, các tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu có);
8. Lộ trình sáp nhập;
9. Dự kiến về nhân sự, mạng lưới, nội dung hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi sáp nhập;
10. Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm tiếp theo của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi sáp nhập. Nội dung phương án kinh doanh tối thiểu phải có bảng tổng kết tài sản và báo cáo kết quả kinh doanh dự kiến; chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;
11. Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi sáp nhập;
12. Phương thức và thời gian chuyển đổi vốn góp/vốn cổ phần; các hình thức chuyển đổi vốn góp/vốn cổ phần và tỷ lệ chuyển đổi tương ứng;
13. Trách nhiệm của các bên tham gia sáp nhập đối với chi phí phát sinh trong quá trình sáp nhập;
14. Các phương án xử lý trong trường hợp một hoặc một số tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đơn phương hủy bỏ thỏa thuận sáp nhập;

Chương III

HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 13. Điều kiện để được hợp nhất

1. Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.
2. Có Đề án hợp nhất bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại Điều 16 Thông tư này. Đề án hợp nhất

có nội dung không được trái với Hợp đồng hợp nhất.

3. Tổ chức tín dụng hợp nhất phải đảm bảo mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Trình tự, thủ tục hợp nhất

1. Các tổ chức tín dụng bị hợp nhất phối hợp xây dựng Đề án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Điều lệ tổ chức tín dụng hợp nhất. Nội dung Đề án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Điều lệ tổ chức tín dụng hợp nhất phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua. Đề án hợp nhất phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổ chức tín dụng bị hợp nhất cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm đối với nội dung Đề án hợp nhất.

2. Các tổ chức tín dụng bị hợp nhất có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc đề nghị được hưởng miễn trừ đối với trường hợp hợp nhất bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.

3. Chấp thuận nguyên tắc hợp nhất:

a) Các tổ chức tín dụng bị hợp nhất phối hợp lập 05 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư này để tổ chức tín dụng đại diện gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư này, Cơ quan thanh tra giám sát, ngân hàng có văn bản kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng, gửi lấy ý kiến tham gia của:

(i) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng bị hợp nhất đặt trụ sở chính: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng bị hợp nhất đặt trụ sở chính căn cứ công tác quản lý, theo dõi tại địa bàn và hồ sơ đề nghị hợp nhất của tổ chức tín dụng để báo cáo, đánh giá về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng bị hợp nhất và quan điểm về việc hợp nhất;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đặt trụ sở chính: về ảnh hưởng của việc hợp nhất tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc hợp nhất;

(iii) Các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến một hoặc một số nội dung trong hồ sơ đề nghị hợp nhất và quan điểm về việc hợp nhất (nếu xét thấy cần thiết).

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị trên đây phải có văn bản thanh tra ý kiến về các nội dung đã được đề nghị, gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị nêu tại Điểm b Khoản 3 Điều này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc từ chối chấp thuận nguyên tắc việc hợp nhất tổ chức tín

dụng. Trường hợp từ chối chấp thuận nguyên tắc, phải nêu rõ lý do.

4. Chấp thuận hợp nhất:

a) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Thống đốc ký văn bản chấp thuận nguyên tắc đề nghị hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất, các tổ chức tín dụng bị hợp nhất phải:

(i) Lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng để thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề có liên quan khác (nếu có);

(ii) Phối hợp lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư này để tổ chức tín dụng đại diện gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét chấp thuận.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận việc hợp nhất tổ chức tín dụng. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấp thuận hợp nhất có hiệu lực, các tổ chức tín dụng bị hợp nhất phải hoàn tất các thủ tục rút Giấy phép thành lập và hoạt động, đăng bố cáo theo quy định của pháp luật có liên quan; tổ chức tín dụng hợp nhất phải hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng bố cáo hợp nhất theo quy định tại Điều 8 Thông tư này và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị hợp nhất

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất, gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng đại diện đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này;

b) Đề án hợp nhất đảm bảo các nội dung tối thiểu theo quy định tại Điều 16 Thông tư này;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thống nhất sử dụng để tiến hành xây dựng Đề án hợp nhất;

d) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động; bản sao các văn bản chấp thuận bổ sung nội dung hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất có chứng thực theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư này. Quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ủy quyền cho một tổ chức tín dụng đại diện trình Thống đốc xem xét chấp thuận việc hợp nhất theo quy định tại Thông tư này;

e) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc Quyết định cho hưởng miễn trừ của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp các tổ chức tín dụng tham gia hợp nhất được hưởng miễn trừ theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư này. Trường hợp không cần

các văn bản này, tổ chức tín dụng tham gia hợp nhất phải có các văn bản giải trình lý do và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo về việc tổ chức tín dụng không vi phạm quy định của Luật Cạnh tranh về tập trung kinh tế;

g) Hợp đồng hợp nhất có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

h) Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất, gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng đại diện đề nghị chấp thuận hợp nhất theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này;

b) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đề nghị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đối với những nội dung quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Thông tư này;

d) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện, trong đó nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có), có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổ chức tín dụng bị hợp nhất;

đ) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng đại diện và hồ sơ đề nghị chuẩn y các nội dung phải được Thống đốc chuẩn y theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp cần thiết, Thống đốc có quyền yêu cầu các tổ chức tín dụng bị hợp nhất bổ sung văn bản giải trình các nội dung liên quan Hồ sơ đề nghị hợp nhất.

Điều 16. Đề án hợp nhất

Đề án hợp nhất phải có tối thiểu các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất.

2. Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng bị hợp nhất.

3. Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đến thời điểm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 15 Thông tư này;

4. Lý do của việc hợp nhất;

5. Vốn điều lệ trước khi hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất và vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất;

6. Danh sách cổ đông nắm giữ cổ phần trọng yếu (đối với tổ chức tín dụng cổ phần) hoặc chủ sở hữu (đối với các tổ chức tín dụng khác) của tổ chức tín dụng hợp nhất;

7. Quyền lợi, nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất, các tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu

có);

8. Điều kiện, thể thức hợp và biểu quyết hợp thông qua các quyết định liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;

9. Lộ trình hợp nhất;

10. Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng hợp nhất. Nội dung phương án kinh doanh tối thiểu phải có bảng tổng kết tài sản và báo cáo kết quả kinh doanh dự kiến; chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;

11. Dự kiến về nhân sự, mạng lưới, nội dung hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất;

12. Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý; kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi hợp nhất;

13. Tỷ lệ chuyển đổi vốn góp/vốn cổ phần; phương thức và thời gian chuyển đổi;

14. Các phương án xử lý trong trường hợp một hoặc một số tổ chức tín dụng bị hợp nhất đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hợp nhất.

Chương IV

MUA LẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 17. Điều kiện để tổ chức tín dụng được mua lại

1. Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh;
2. Có Đề án mua lại bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại Điều 20 Thông tư này. Đề án mua lại có nội dung không được trái với Hợp đồng mua lại;
3. Tổ chức tín dụng mua lại sau khi mua lại phải đảm bảo mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định và tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Trình tự, thủ tục mua lại tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng tham gia mua lại phối hợp xây dựng Đề án mua lại, Hợp đồng mua lại. Nội dung Đề án mua lại, Hợp đồng mua lại phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tham gia mua lại thông qua. Đề án mua lại phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng tham gia mua lại cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm đối với nội dung Đề án mua lại;
2. Tổ chức tín dụng mua lại có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc đề nghị được hưởng miễn trừ đối với trường hợp mua lại bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh;
3. Chấp thuận nguyên tắc mua lại tổ chức tín dụng:
 - a) Tổ chức tín dụng tham gia mua lại phối hợp lập 05 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông

tư này để tổ chức tín dụng mua lại gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng, gửi lấy ý kiến tham gia của:

(i) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng tham gia mua lại đặt trụ sở chính: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng tham gia mua lại đặt trụ sở chính căn cứ công tác quản lý, theo dõi tại địa bàn và hồ sơ đề nghị mua lại của tổ chức tín dụng để báo cáo, đánh giá về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng tham gia mua lại và quan điểm về việc mua lại;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng tham gia mua lại đặt trụ sở chính: về ảnh hưởng của việc mua lại tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc mua lại;

(iii) Các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến một hoặc một số nội dung trong hồ sơ đề nghị mua lại và quan điểm về việc mua lại (nếu xét thấy cần thiết).

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị trên đây phải có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung đã được đề nghị, gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị nêu tại Điểm b Khoản 3 Điều này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc từ chối chấp thuận nguyên tắc việc mua lại tổ chức tín dụng. Trường hợp từ chối chấp thuận nguyên tắc, phải nêu rõ lý do.

4. Chấp thuận mua lại tổ chức tín dụng:

a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Thống đốc ký văn bản chấp thuận nguyên tắc đề nghị mua lại tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng tham gia mua lại phải:

(i) Lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng để thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án mua lại và các vấn đề có liên quan khác (nếu có);

(ii) Phối hợp lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư này để tổ chức tín dụng mua lại gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng) xem xét, chấp thuận.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận việc mua lại tổ chức tín dụng. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc có văn bản chấp thuận việc mua lại tổ chức tín

dụng, tổ chức tín dụng mua lại phải hoàn tất các thủ tục về sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị mua lại do chuyển đổi chủ sở hữu, đăng ký kinh doanh và đăng bố cáo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị mua lại tổ chức tín dụng

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc mua lại tổ chức tín dụng;

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng mua lại đề nghị chấp thuận nguyên tắc mua lại theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này;

b) Đề án mua lại đảm bảo các nội dung tối thiểu theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia mua lại thống nhất sử dụng để tiến hành xây dựng Đề án mua lại;

d) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng mua lại cam kết sau khi mua lại, tổ chức tín dụng mua lại vẫn tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, bản sao các văn bản bổ sung nội dung hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức tín dụng tham gia mua lại có chứng thực theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tham gia mua lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư này. Quyết định của tổ chức tín dụng bị mua lại ủy quyền cho tổ chức tín dụng mua lại trình Thống đốc xem xét chấp thuận việc mua lại theo quy định tại Thông tư này;

g) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc Quyết định được hưởng miễn trừ của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Công Thương theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư này. Trường hợp không cần các văn bản này, tổ chức tín dụng mua lại phải có văn bản giải trình lý do và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo về việc tổ chức tín dụng không vi phạm các quy định của Luật Cạnh tranh về tập trung kinh tế.

h) Hợp đồng mua lại có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng mua lại; tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng bị mua lại; thủ tục và điều kiện mua lại; phương thức thanh toán; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện mua lại.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua lại tổ chức tín dụng:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng mua lại đề nghị chấp thuận mua lại theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này;

b) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng mua lại và hồ sơ kèm theo đề nghị Thống đốc chấp thuận:

(i) Việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị mua lại cho chuyển đổi chủ sở hữu;

(ii) Các nội dung khác phải được Thống đốc chấp thuận theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

c) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tham gia mua lại đối với những nội dung quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 18 Thông tư này;

d) Văn bản của tổ chức tín dụng mua lại, trong đó nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án mua lại đã trình Thống đốc chấp thuận nguyên tắc mua lại tổ chức tín dụng (nếu có), có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng bị mua lại.

3. Trường hợp cần thiết, Thống đốc có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng tham gia mua lại bổ sung văn bản giải trình các nội dung liên quan Hồ sơ đề nghị mua lại;

Điều 20. Đề án mua lại

Đề án mua lại phải có tối thiểu các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng tham gia mua lại;
2. Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng tham gia mua lại;
3. Lý do của việc mua lại;
4. Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động của tổ chức tín dụng tham gia mua lại đến thời điểm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 19 Thông tư này.
5. Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng tham gia mua lại và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);
6. Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm tiếp theo của tổ chức tín dụng mua lại sau khi mua lại. Nội dung phương án kinh doanh tối thiểu phải có bảng tổng kết tài sản và báo cáo kết quả kinh doanh dự kiến; chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;
7. Dự kiến về nhân sự, mạng lưới, nội dung hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng mua lại sau khi mua lại;
8. Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi mua lại;
9. Giá mua lại, thời hạn, phương thức thanh toán; thời hạn bàn giao tổ chức tín dụng bị mua lại;
10. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng tham gia mua lại đối với chi phí phát sinh trong quá trình mua lại tổ chức tín dụng;
11. Các phương án xử lý trong trường hợp một hoặc một số tổ chức tín dụng tham gia mua lại đơn phương hủy bỏ thỏa thuận mua lại.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Tuân thủ các nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, mua lại quy định tại Điều 5 Thông tư này;
2. Phối hợp xây dựng Đề án sáp nhập, hợp nhất, mua lại và hoàn thành các quy trình, thủ tục và hồ sơ có liên quan theo quy định tại Thông tư này;
3. Nghiêm cấm việc phân tán tài sản dưới mọi hình thức. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động và phải bảo đảm an toàn tuyệt đối về tài sản của tổ chức tín dụng cho đến khi hoàn tất quá trình sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo Đề án đã được chấp thuận.
4. Sau khi có văn bản chấp thuận nguyên tắc, các tổ chức tín dụng bị sáp nhập, hợp nhất, mua lại chủ động chuẩn bị cho công tác bàn giao và phải bàn giao ngay toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ và các vấn đề về tổ chức và hoạt động khi có quyết định sáp nhập, hợp nhất, mua lại của Thống đốc.
5. Sau khi sáp nhập, hợp nhất, mua lại, nếu phát hiện có những vấn đề ngoài sổ sách hoặc không được bàn giao thì các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc tổ chức tín dụng bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị mua lại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Có ý kiến tham gia bằng văn bản về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng gửi Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.
2. Hướng dẫn, giám sát các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo đúng các quy định của Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Làm đầu mối lấy ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này.
2. Thẩm định hồ sơ sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng để trình Thống đốc xem xét, quyết định theo quy định tại Thông tư này.
3. Làm đầu mối tham mưu cho Thống đốc trong việc chỉ đạo, giám sát và hướng dẫn cho các tổ chức tín dụng trong quá trình sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.

Điều 24. Trách nhiệm của các Vụ, Cục khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Tài chính – kế toán có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán trong quá trình sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.
2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc xem xét các vấn đề pháp lý liên quan đến quá trình sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.
3. Các Vụ, Cục có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, căn cứ chức năng và nhiệm vụ của mình, có ý

kiến bằng văn bản theo đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 241/1998/QĐ-NHNN5 ngày 15/7/1998 ban hành Quy chế sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng cổ phần Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Trường hợp những quy định của pháp luật tham chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì phải áp dụng theo quy định mới.

3. Trường hợp các tổ chức tín dụng cổ phần nhận sáp nhập, mua lại có thời gian hoạt động dưới 5 năm, các cổ đông tham gia thành lập tổ chức tín dụng phải tuân thủ việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng cổ phần.

4. Trường hợp tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại là công ty đại chúng, ngoài những quy định tại Thông tư này, phải tuân thủ các quy định có liên quan về chứng khoán và thị trường chứng khoán về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn